

CHƯƠNG II (Phần 1)

SINH HOẠT VĂN HÓA DÂN GIAN CỦA CƯ DÂN MIỀN BIỂN ĐÀ NẴNG

1. Văn học dân gian

Giới thiệu về văn học dân gian miền biển Đà Nẵng

Từ những ngày đầu mở cõi, Đà Nẵng đã hội đủ các điều kiện thuận lợi để trở thành một thành phố xinh đẹp có biển, có sông, có đồng bằng, có đồi núi. Đà Nẵng là thành phố có đủ ba yếu tố: Văn hóa biển, Văn hóa đồng bằng và Văn hóa núi, nhưng có lẽ văn hóa biển là nổi trội hơn cả. Đà Nẵng nổi tiếng với những cửa biển, cửa sông thuận lợi cho việc ghe tàu giao thương. Phải khẳng định rằng, chính các cửa biển, cửa sông đã tạo nên lợi thế đặc thù của vùng đất Đà Nẵng. Trên con đường Nam tiến các cư dân Việt đã xuôi về phương Nam bằng hai con đường, đường bộ và đường biển, cả hai con đường ấy đều gian nan vất vả:

Đi bộ thì khiếp Hải Vân

Đi biển thì sợ sóng Thần hang Dơi

Đà Nẵng bây giờ là một phần của Quảng Nam được coi là đất biên ải. Nhưng những khó khăn của buổi đầu mở cõi đã nhanh chóng qua đi, nhường chỗ cho những thuận lợi của tự nhiên. Phía Đông là biển cả mênh mông với những dải cát dài trắng mịn tuyệt đẹp, lại có những cửa biển thuận lợi là cửa ngõ giao thương.

- Ai Vân bát ngát nghìn trùng

*Hòn Hành ở đó là trong Vịnh Hàn
Xưa nay qua đó còn truyền
Lối đi Lô giản thẳng miền khơi xa....*

(Ca dao)

*- Ai vân chát ngát ngàn trùng
Hòn Hành thấy đó là trong Vũng Hàn
Vũng Thùng còn ở trong xa....*

(Về các lái)

Vũng Thùng là tên Nôm của Vịnh Đà Nẵng. Trong lịch sử Chúa Nguyễn đã sớm nhận thức được Quảng Nam là đất "yết hầu" của xứ Đàng Trong. Và nếu nói Quảng Nam là đất "yết hầu" thì Đà Nẵng chính là điểm huyết mạch sinh tử. Với cảng sâu Tiên Sa, Vũng Thùng, Cu Đê... (Cửa sông ra biển ở Liên Chiểu) đã mở những cửa ngõ cho Nam Triều đi ra thế giới.

Chính vì thế mà từ năm 1802 cửa biển Đà Nẵng đã trở thành Cảng biển ngoại giao quan trọng nhất của Triều Nguyễn. Không chỉ dân ta nhận thức được tầm quan trọng của cảng Đà Nẵng mà ngoại bang cũng dòm ngó nước ta thông qua các cửa biển này. Năm 1858 dân Đà Nẵng đã là nhân chứng đầu tiên của tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp:

Tai nghe súng nổ cái đùng

Tàu Tây đã tới Vũng Thùng hôm qua¹

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ người dân vùng biển Đà Nẵng đã không tiếc máu xương anh dũng hy sinh để giữ gìn vùng biển, vùng trời cho Đà Nẵng. Năm ngọn núi Ngũ hành không chỉ là danh lam thắng cảnh mà còn là hầm sâu, căn cứ địa vững chắc để những chiến sĩ cách mạng ẩn náu

¹ Dị bản: *Tai nghe súng nổ cái đùng*

Thằng Tây đã tới Vũng Thùng bà con ơi! (Sưu tầm ở Mân Thái - Sơn Trà)

hoạt động bí mật. Tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh mãnh liệt kiên cường đã trở thành huyết mạch trong mỗi người dân miền biển. Chính mảnh đất này là quê hương của biết bao anh hùng liệt sĩ, những nhà khoa bảng, những chiến sĩ yêu nước. Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, thời kỳ nào mảnh đất này cũng sản sinh, dâng hiến cho đất nước những người con ưu tú bám biển, bám làng bảo vệ biên cương, bờ cõi.

Trên tổng thể Đà Nẵng là một thành phố khá đặc biệt với sự hội tụ đầy đủ của ba yếu tố: Văn hóa núi, Văn hóa đồng bằng, Văn hóa biển nhưng có lẽ với tính chất đặc thù của địa lý - lịch sử nơi đây yếu tố *Văn hóa biển* ngày càng được khẳng định rõ nét, nổi trội. Việc nhận thức tầm quan trọng của văn hóa biển đối với cư dân Đà Nẵng cũng là một quá trình lâu dài đầy thử thách. Tiên nhân của người dân Đà Nẵng là những cư dân Đại Việt vào Nam lập nghiệp nên họ cũng mang theo tâm lý của người đồng bằng và văn hóa lúa nước, thích đất đai phì nhiêu màu mỡ và thường rất sợ biển. Thời gian đầu cư dân Việt chủ yếu tập trung ở bờ Tây sông Hàn. Giữa bờ Đông và bờ Tây có sự phát triển không đồng đều:

Đứng bên ni sông Hàn

Ngó qua bên tê Hà Thân nước xanh như tàu lá

Đứng bên tê Hà Thân

Ngó qua bên ni Hàn thấy phố xá nghênh ngang

Khái niệm về biển bấy giờ gắn liền với sự hiểm nguy, phong ba bão táp. Chính vì thế, mà chúng ta thấy quan niệm chọn chồng xây dựng gia đình được các cô gái cũng được xác định:

Có chồng làm ruộng em theo

Có chồng nghề biển hồn treo cột buồm

Một thời gian dài sau, câu ca dao trên mới được cải biên với một quan niệm mới, một nhận thức mới:

*Có chồng nghề biển em theo
Có chồng làm ruộng đĩa đeo đầy người*

*Có chồng nghề biển em theo
Có chồng nghề ruộng vàng (dằng)¹ treo nợ đòi*

Khảo sát hệ thống thể loại văn học dân gian miền biển Đà Nẵng

Qua điều tra, sưu tầm, chúng ta thấy rằng miền biển Đà Nẵng cũng có đầy đủ các thể loại văn học dân gian như: Tục ngữ, Câu đố, Ca dao, Dân ca, Vè, Truyền thuyết, Cổ tích, Truyện cười, Ngụ ngôn, Giai thoại... Tuy nhiên, mức độ phát triển của các thể loại là không đồng đều.

a. Thần thoại - Truyền thuyết:

Về truyện kể, do đặc điểm lịch sử, Đà Nẵng là vùng đất mới, chỉ mới hình thành và phát triển khoảng 700 năm nay nên ở đây chưa tìm thấy những thần thoại suy nguyên đúng nghĩa mà chủ yếu là những truyền thuyết, những truyện kể địa danh. Chủ đề tập trung và xuất sắc nhất của thể loại là những truyện phản ánh quá trình hình thành và phát triển của vùng biển Đà Nẵng. Qua từng câu chuyện kể chúng ta hình dung được cả một quá khứ xa xăm trong việc hình thành và xây dựng vùng đất, cùng với quá trình đấu tranh đầy gian khổ của cha ông trên con đường biển Nam tiến. Với thể loại này, chủ đề này *Sự tích Ngũ Hành Sơn* là truyện kể tiêu biểu và hay nhất.

¹ Vàng (dằng / wàng; Chấm): dụng cụ dùng để gặt lúa.

Truyện kể rằng ngày xưa, khi vùng đất này còn là một vùng hoang sơ, với bãi cát dài và những ngọn núi nhỏ. Một hôm, có một lão ngư dân từ phương Bắc vào bị đắm thuyền và dạt vào nơi đây. Vì sinh tồn ông lão đã cố gắng đi vào khu rừng nhỏ chặt cây, cắt tranh dựng lên túp lều nhỏ, sống một mình trên bãi biển vắng.

Một buổi sáng nọ, bỗng sóng gió cuộn lên. Lúc sau có một con Rồng Vàng rẽ sóng tiến vào bờ, Rồng Vàng quần quai hồi lâu, cát bụi bốc lên mù mịt, mây đen che kín bầu trời. Trong khoảng đất trời âm u ấy bỗng có một tiếng thét lớn rồi một luồng ánh sáng lạ xuất hiện, Rồng Vàng đẻ ra một quả trứng rất lớn, đẻ xong Rồng vội vã quay về biển Đông.

Rùa Vàng hiện lên, bới cát ủ kín trứng Rồng, Rùa Vàng gọi lão ngư dân sống trên bãi vắng tới và dạy rằng:

Ta là Thần Kim Quy, ta muốn nhà ngươi phải tận lực bảo vệ giọt máu này của Long Quân!.

Lão ngư bối rối hỏi:

- Già này sức cùng lực tận, thì làm sao mà bảo vệ được?

Rùa Vàng bèn tháo chiếc móng chân của mình trao cho ngư ông và dặn rằng:

- Ta giao cho ngươi khí giới của ta những khi thật cần thiết, ngươi hãy đặt ngay nó vào tai, ta sẽ có cách giúp.

Từ đó, lão ngư hết lòng bảo vệ trứng Rồng, không dám lơ là nửa bước, trứng Rồng cứ theo ngày tháng lớn lên. Giữa bãi cát trắng trứng không ngừng to ra, cao lên, màu vỏ trứng lấp lánh năm sắc trông tựa như một hòn ngọc khổng lồ, rực rỡ ánh dương.

Ngày kia, có một đạo quân xa lạ, từ phía Nam tràn đến, đốt cháy túp lều nhỏ của lão ngư. Gươm đao tua tủa, chúng

hăm hờ kéo tới bên cạnh trứng Rồng, tưởng chừng như chúng muốn đập phá trứng Rồng trong phút chốc. Nhờ có móng thần Kim Quy, Lão ông đã kịp thời bốc cát ném ra chung quanh. Kỳ diệu thay những nắm cát nhỏ bé ấy phút chốc đã cháy lên thành vòng rào lửa, vây hãm bọn giặc hung hãn, tiêu diệt chẳng còn sống sót tên nào.

Sau đúng một ngàn ngày đêm, trứng Rồng bỗng nứt ra. Một cô gái xinh đẹp như một nàng tiên ra đời. Nàng lớn nhanh như thổi. Giữa một mảnh vỏ trứng có một chiếc hang như được dành sẵn cho nàng. Trong chiếc hang thoáng mát kia có hai chiếc vú đá không ngừng tuôn trào một dòng sữa trắng để nuôi nàng. Còn chim muông thì thi nhau đến nhảy nhót hát ca, chúng còn tha bông về dệt vải may áo cho nàng mặc, tha sợi đay về dệt thảm cho nàng nằm. Nàng tiên ngày càng lớn, càng xinh đẹp.

Một hôm, nàng nhặt từng viên đá nhỏ có năm sắc lấp lánh vương vãi nơi nàng ngồi ném ra chung quanh. Lạ thay mỗi viên sỏi ngũ sắc rớt xuống lại mọc lên một loài hoa lạ có năm cánh màu hồng rất dễ sống¹. Về sau những người dân từ phương Bắc đến thường dùng loại cây hoa này để chữa bệnh ung thư và bệnh sốt rét. Vào một đêm trăng sáng, nàng tiên xinh đẹp tuyệt trần kia được Rùa Vàng hiện lên đưa đi đâu mất.

Còn lão ngư dân, trước khi trả lại móng Rùa cho thần Kim Quy đã được Rùa mách bảo tìm thấy một chiếc hang xinh đẹp, thoáng mát trong lòng một mảnh vỏ trứng Rồng trên nóc hàng

¹ Tương truyền rằng loài hoa ấy chính là hoa Dừa cạn loài hoa này rất dễ sống chịu đựng được khí hậu nóng gắt nở hoa quanh năm, trước đây mọc rất nhiều ở những dải cát ven bờ biển Đà Nẵng.

có một lỗ hồng ban ngày được ánh sáng mặt trời chói rọi². Trước hang có cây cỏ xanh tốt mọc đầy. Lão ngư dân dọn ở hẳn vào hang đá. Về sau, chẳng còn ai biết được tin tức gì về ông lão nữa.

Năm mảnh trứng Rồng nứt ra cứ lớn dần, lớn mãi thành năm ngọn núi. Ngày nay, năm ngọn núi này chính là năm ngọn núi tạo thành một cụm gọi là Ngũ Hành Sơn, người dân nơi đây còn tương truyền rằng khi Rồng ở cũ, trong cơn quần quai đã vô tình làm lở đất thành dòng sông Cẩm Lệ và sông Hàn ngày nay³.

Như vậy chúng ta thấy rằng truyện kể này đã chịu ảnh hưởng sâu sắc với hệ thống thần thoại và truyền thuyết Việt. Môtip Rồng đẻ ra trứng, trứng nở thành nàng tiên xinh đẹp, rõ ràng có nguồn gốc từ môtip Mẹ Âu Cơ sinh bọc trăm trứng, trứng nở trăm con trong truyền thuyết Con Rồng - Cháu Tiên. Hình ảnh lão ngư ông từ phương Bắc bị đắm thuyền ở vùng biển Đà Nẵng đã xác định nguồn gốc cư dân nơi đây. Hình tượng Rùa Vàng Thần Kim Quy tháo móng đưa cho ngư ông cũng có nguồn gốc từ hình tượng Thần Kim Quy giúp đỡ Vua Thục trong truyền thuyết An Dương Vương. Như vậy, người Quảng nói chung và người Đà Nẵng nói riêng đã biết dựa vào văn học dân gian truyền thống để sáng tác một truyền thuyết mới.

² Tương truyền đây là hang động Huyền Không ở Ngũ Hành Sơn hiện nay.

³ Ngũ Hành Sơn hiện nay thuộc phạm xã Hòa Hải, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Về sự tích này chúng ta đã sưu tầm được bốn bản kể (xem phần sưu tập). So sánh các bản, chúng tôi thấy bản ghi trong "*Văn nghệ dân gian Quảng Nam - Đà Nẵng*", tập 2 là rõ ràng, hợp lý nên chúng tôi đã chọn bản này để phân tích.

Ở đây chúng ta thấy thần thoại, truyền thuyết có sự kế thừa và phát triển các mô típ quen thuộc trong thần thoại và truyền thuyết người Việt ở phương Bắc.

Hơn nơi nào hết Thần thoại và Truyền thuyết nơi đây có sự tích hợp sâu sắc các yếu tố của văn hóa Việt, Văn hóa truyền thống đồng thời trong các bản kể khác chúng ta thấy có sự giao lưu ảnh hưởng của Văn hóa Chăm, Văn hóa bản địa.

Truyền thuyết trên chính là để giải thích cho nguồn gốc cư dân vùng ven biển Đà Nẵng, một tập quán lâu đời của người Việt, hình tượng lão ngư chính là hình tượng của cư dân Việt miền Trung mang tính cách của anh hùng văn hóa, có công khai phá đất đai, chế ngự thiên nhiên, bảo vệ địa bàn sinh sống, đánh bắt... để sinh sống.

Truyện kể cả một quá trình dài từ khi khai thiên lập địa đến sự xuất hiện của con người, cây cỏ, thiên nhiên, sông suối nên nó lại có dáng dấp màu sắc của một *Sử thi*.

Về chủ đề này chúng ta còn sưu tầm được một số truyện kể khác như: Sự tích bãi Tiên Sa, Sự tích bãi Bụt, ... Qua từng câu chuyện, chúng ta hình dung được quá khứ xa xăm cùng với quá trình đấu tranh đầy gian khổ của cha ông ngày trước để mở đất, lập làng chài. Truyện *Sự tích bãi Tiên Sa* kể rằng: Chung quanh núi Sơn Chà có bãi biển cát trắng đẹp, bốn mùa nước mát, sóng vỗ bì bùng vào các tảng đá, tạo cho thiên nhiên nơi đây thật quyến rũ. Các nàng tiên mê cảnh đẹp lần tìm xuống dạo chơi, ngắm cảnh trần gian với những quyến rũ mê hồn. Nào là sóng vỗ vào bờ đá lăn tăn trên bãi cát trắng mịn màng, nào những cánh buồm lướt sóng ra khơi, trong những chiều gió lộng, nào là những chàng trai vùng biển lực lưỡng thả lưới quanh bán đảo, ngày nào các nàng tiên cũng ghé

xuống trần gian tha hồ ngắm nhìn núi đồi hùng vĩ, biển xanh đến nao lòng, bao la cả một vùng rộng lớn. Các nàng tiên say sưa nghe tiếng chim kêu, dừng chân bên bờ nghe sóng vỗ, thăm những con suối róc rách ngàn năm thơ mộng. Nước triều lên xuống hàng triệu năm, đã bào mòn và lau sạch những tảng đá sấp lớp bên bờ biển... Khi đã say mê ngắm nhìn cảnh đẹp ngoạn mục của Sơn Chà, các nàng tiên đã cởi những đôi cánh của mình ra để trên những tảng đá lớn, đắm mình xuống dòng nước mát biển khơi. Các nàng tiên lại vô tư nô đùa với cảnh vật trời mây non nước. Bóng chiều ngả xuống, các nàng tiên lại chưa muốn quay về thượng giới. Có một chàng trai chài lưới, mình trần, ngực đỏ, khi nhìn thấy các nàng tiên tấm lòng lại nôn nao rạo rức chưa bao giờ trong đời người thanh niên lại nhìn thấy những cô nàng đẹp như vậy và cứ thế khi chiều về, chiếc thuyền cá đã đầy khoang, chàng trai lại nấp sau các ghềnh đá lén nhìn các nàng tiên tắm, và chàng trai đã đem lòng mê mẩn các nàng. Nhiều lần, chàng trai nghĩ ra cách chờ khi các nàng tiên đang say mê vui đùa tắm biển, chàng vội lấy một đôi cánh giấu vào hang đá, khi chiều đã xuống đậm hơn, các nàng tiên lại lấp đôi cánh bay về thượng giới, chỉ còn một nàng tiên không bay về được vì không tìm được đôi cánh của mình đành phải ở lại trần gian với chàng trai chài lưới. Từ đó, hai người sống hạnh phúc bên nhau.

Để giải thích cho địa danh *Tiên Sa* còn có một truyện kể rằng, trên đỉnh núi Sơn Chà quanh năm mây trắng vắt ngang đưa các vị tiên về dạo chơi. Trên đỉnh núi có một tảng đá lớn, các Tiên Ông thường xuống đây dạo chơi và đánh cờ, một lần có một Tiên Ông đánh thua một nước cờ, nên dậm mạnh bàn chân xuống tảng rồi bay về trời, để lại dấu chân trên tảng đá.

Về sau dân quanh vùng hay tin có bàn chân tiên bèn đặt tên Đá Tiên, bên cạnh Đá Tiên là một tảng đá bàn cờ có hang sâu thăm thẳm dân gian gọi là giếng tiên (cũng còn gọi là hang Tiên) do hang sâu, người đời sau gọi là "Hang giếng giếng". Các vị Tiên Ông vào Hang giếng giếng lấy nước để dùng. Ai muốn qua miệng hang phải đu dây bay qua nên núi có tên là Tiên Sa.

Truyện kể nhằm giải thích sự ra đời của địa danh Tiên Sa nhưng chúng ta lại thấy ở đây một cuộc tình nên thơ, đầy lãng mạn giữa một chàng trai vạm vỡ, một biểu tượng tuyệt đẹp của con người và một nàng tiên. Câu chuyện phỏng phát câu chuyện Giáng Tiên nhưng cái khác ở đây chính là sự tác động của con người. Nàng Tiên xinh đẹp kia không phải đi lạc mà chính là vì muốn nàng ở lại nên chàng trai đã chủ động quyết định dẫu đôi cánh của nàng.

Bên cạnh việc giải thích sự xuất hiện những con người đầu tiên nơi đây truyện còn tập trung ca ngợi những cảnh đẹp quê hương, ca ngợi những con người đầu tiên xây dựng địa bàn cư trú. Họ được nhân dân suy tôn như những vị Tiên, vị Thần. Truyện kể về *Sự tích bãi Bụt* lại cho ta thấy một bi kịch về gia đình của những tiền nhân mở đất vùng biển phía Bắc Đà Nẵng. Truyện kể rằng, tại vùng quê non nước Sơn Chà có một đôi trai gái yêu nhau, họ cùng nhau thề non hẹn biển, nguyện sống chung thủy trọn đời. Ngày ngày khi mặt trời khuất sau dãy núi Chúa phía tây, chàng lên đường ra khơi bám biển đánh cá, bắt tôm, nàng ở nhà lên triền núi khai hoang vỡ đất trồng rau. Bình minh hôm sau chàng từ biển khơi về, vợ chồng lại đoàn tụ bên nhau trong túp lều tranh nằm dưới chân núi. Cuộc sống của đôi vợ chồng trẻ hạnh phúc. Vào một ngày

kia, cũng như bao ngày khác trong đời, chàng lại tạm biệt vợ tiếp tục ra khơi, tiễn đưa chồng, nàng nhìn theo lưu luyến, hẹn mai về vợ chồng lại gặp nhau. Nhưng, nàng có ngờ đâu buổi chiều tiễn đưa chồng cũng là ngày định mệnh như đã an bài, chiều hôm ấy là chiều cuối cùng của đôi vợ chồng trẻ. Khi chàng vừa ra khơi chưa được bao lâu thì trời đất bỗng chuyển màu u ám, mây đen từ đâu kéo về vây kín Sơn Chà. Gió thổi mạnh sấm chớp âm âm, biển động dữ dội, nàng lại lo lắng đứng ngòai không yên lo cho chồng đang lênh đênh trên biển. Sáng tinh mơ, trời đã quang, mây đã tạnh, nàng ra bến đón đợi chồng về, mắt dóng về phía biển xa mong nhìn thấy được bóng dáng thuyền về. Nhưng chờ mãi, chờ mãi ngày một trưa dần vẫn không thấy bóng chồng về. Lòng nàng buồn rĩ rượi! Nàng suy nghĩ mông lung, sợ điều chẳng lành đã đến với chồng. Nàng cứ nhìn ra biển mà không cảm được nước mắt. Ngày qua ngày, nàng vẫn ngòai trên bến đợi với hy vọng gặp lại người chồng chung thủy. Vậy mà bóng chồng vẫn khuất phía sau mặt biển xanh rờn. Nàng khóc! Nàng đã khóc trong sự chờ đợi tuyệt vọng thương tiếc chồng đã chìm xuống biển sâu. Nàng khóc! Khóc mãi, nước mắt nhỏ xuống đất đã bồi thành bãi cát trắng lấp lánh trên bến biển quê hương. Về sau, nhân dân trong vùng hay tin đã đặt cho bãi cát dọc theo chân núi là Bãi Bụt. Để giữ tấm lòng chung thủy với chồng, nàng đã xuống tóc đi tu. Và cứ mỗi ngày khi bình minh lên nàng lại ra bến đợi, mắt vẫn không rời cửa biển, ngóng trông người chồng trong nỗi buồn tuyệt vọng, trong nỗi nhớ mênh mông. Tuy là truyện kể địa danh nhưng nội dung câu chuyện lại rất gần với *cổ tích hiện thực*, nghĩa là phản ánh những bi kịch gia đình. Câu chuyện vừa phản ánh những hiểm nguy của những người đi

biển đồng thời câu chuyện cũng là bài ca tuyệt đẹp về lòng chung thủy. Bi kịch trong truyện đến nay vẫn là bi kịch chung của những gia đình miền biển trước tai ương của bão tố. Câu chuyện vừa giải thích địa danh vừa phản ánh bi kịch gia đình, điều này thể hiện đặc điểm *tích hợp* được phản ánh trong truyền thuyết ở miền biển Đà Nẵng.

Nhìn chung thần thoại truyền thuyết nơi đây mang nhiều yếu tố hiện thực ít yếu tố hoang đường kỳ ảo. Nhân vật chính của những trang thần thoại - truyền thuyết nơi đây là *con người* – những tiền nhân mở đất. Những con người ấy nhờ tài năng và lòng dũng cảm đã đấu tranh với thiên nhiên để xác lập địa bàn cư trú.

Tên gọi của một bãi cát (bãi Tiên Sa, bãi Bụt) đều gắn liền với một câu chuyện kể mà ở đó con người luôn đối mặt với thiên nhiên huyền bí. Bằng cách sáng tạo truyện kể dân gian, các cư dân Việt trên vùng biển Đà Nẵng ca ngợi hào khí của một xứ sở mà tên núi, tên rừng, tên biển không bao giờ phai mờ những dấu ấn khó khăn hiểm nguy thời mở đất.

Thần thoại và truyền thuyết ở miền biển Đà Nẵng cả một quá trình cộng cư giao lưu văn hóa giữa người Việt và người Chăm. Bản kể về sự tích Ngũ Hành Sơn của người Chăm mà chúng ta sưu tầm được là một ví dụ tiêu biểu. Trong truyện vừa có hình tượng Thần Kim Quy, một hình tượng tiêu biểu cho truyền thuyết Việt lại có hình tượng vua Chiêm xin cưới cô gái xinh đẹp con vị ẩn sĩ già làm vợ. Chi tiết này ít nhiều phản ánh câu chuyện tình của nàng công chúa Việt Huyền Trân cùng vua Chiêm Chế Mân. Dư âm của sự kiện không chỉ ghi lại bằng lịch sử bằng truyện kể dân gian mà cả trong ca dao dân ca:

*Cánh chim hồng nhạn bay đi
Mối tình chi
Mượn màu son phấn đèn nợ Ô, Ly...*

b. Cổ tích:

Từ xưa đến nay thuật ngữ *truyện cổ tích* thường được hiểu theo hai nghĩa:

- Xem cổ tích là toàn bộ các truyện kể dân gian thời trước bao gồm cả thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, ngụ ngôn. Theo cách hiểu này thuật ngữ truyện cổ tích đồng nghĩa với thuật ngữ *chuyện đời xưa*.

- Khoảng vài ba chục năm trở lại đây, giới nghiên cứu Folklore Việt Nam hiểu *truyện Cổ tích* là thuật ngữ dùng để chỉ một loại truyện kể dân gian mà đặc trưng thể loại khác với thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn.

Với quan niệm này, *cổ tích* là một thể loại truyện kể dân gian chủ yếu phát sinh và phát triển trong thời kỳ xã hội đã phân hóa giai cấp. Nội dung chủ yếu của nó thường phản ánh những xung đột trong gia đình tư hữu và những mâu thuẫn trong xã hội. Truyện cổ tích cũng biểu hiện cách nhìn hiện thực với những quan niệm về công lý, về đạo lý của con người.

Căn cứ vào chức năng thể loại chúng ta thấy truyện cổ tích ở miền biển Đà Nẵng không nhiều. Qua sưu tầm, ghi chép được vài chuyện như truyện *Miếu ông chài*, truyện *Đôi Sam biển...*

Truyện *Miếu ông chài* kể rằng tại miền núi Sơn Trà, giáp ranh hướng đông bắc làng Nam Thọ (Thọ Quang) gần Bãi Đá, có một ngôi miếu cổ. Chuyện kể rằng, ngày xưa có người chài lưới góa vợ từ rất lâu nhưng vẫn ở vậy để nuôi dưỡng đứa con gái duy nhất. Dân trong vùng không rõ quê quán nhà cửa, tên

họ ông, chỉ thấy ông thường ngày đến Bãi Đá giải chài bắt cá bán độ nhứt, nên quen gọi là ông chài. Cô con gái của ông, qua năm tháng thêm lớn khôn xinh đẹp và hiếu hạnh. Nhằm che mưa trú nắng, cha con ông chài bằng cất lá, đẵn gỗ trong rừng, dựng tạm cư lều nơi triền đồi để vừa nghỉ ngơi vừa quan sát được dấu hiệu cá tiến vào bờ biển mà đánh bắt cá. Cuộc đời của cha con ông chài tuy đạm bạc đơn côi, nhưng rất tôn trọng đạo lý can thường. Tình phụ tử lễ giáo và hiếu hạnh được đề cao, gắn bó. Hằng ngày con gái ông chài đều mang cơm nước đến lều cho cha mình. Một hôm, đang ngồi trong lều chờ cha đánh lưới về ăn, trời bỗng nổi cơn giông tố sấm sét, mưa trút xuống, ông chài vì phải thu mẻ lưới nên bị ướt đẫm cả người. Bị mưa ướt gió lạnh, ông chài vội vàng về lều. Ngồi trong lều thấy cha ướt lạnh run rẩy, động lòng thương cha dạt dào, bất chấp mưa to gió lớn, cô liền vụt chạy ra dìu cha. Cô con gái từ trên đồi chạy xuống, ông chài từ dưới bãi run rẩy vội tiến lên. Trời mưa làm đường dốc trơn trượt, ông chài bị trượt ngã chồm đến trước, bất ngờ tay ông chạm mạnh vào nhũ hoa con gái mình và làm sứt nút áo cài, để lộ bộ ngực nõn nà của đứa con gái yêu quý của ông. Nhìn con mình, ông Chài vô cùng xấu hổ và ray rứt, cảm thấy tội lỗi tày trời, không thể tha thứ cho hành vi xâm phạm luân thường đó. Ông bèn nói dối con rằng ông lên đồi đi giải (vệ sinh). Cô con gái ông chờ mãi không thấy ông trở lại lều, bèn thân lâm tìm cha, thì ôi thôi, thì thấy cha cô đập đầu vào gốc cây chết rồi, đau đớn tột cùng, cô ôm cha vào lòng khóc than xiết. Dân làng giúp đỡ an táng cha cô. Thế rồi tuần 3 ngày, rồi 7 ngày, 21 ngày, 49 ngày, 3 tháng, giáp năm và 3 năm, cô thấy đều đến bên mộ cha gục đầu than khóc thảm thiết, hình như cô tự trách mình đã vô ý

làm hại cha, nổi oan nghiệt vì mình mà cha phải chết. Do đó, gần ba năm sau ngày cha cô tự vẫn, người ta không còn thấy cô có mái tóc dài mà thay vào đó đầu cô trùm kín bởi chiếc mũ vải và cũng kể từ đây, biệt không thấy cô trở lại mộ cha. Cô đã đi tu hay nổi bất hạnh nào đó đã đến với cô? Cái chết ông chài và cảnh ngộ sớm mồ côi mẹ, rồi tiếp mồ côi cha của con gái ông chài là cả một sự thương tâm nào nề. Thể hiện cảm động về thương xót cha con ông chài, người dân quanh vùng đã lập miếu thờ tại nơi ông mất. Miếu này vẫn còn tro gan cùng tuế nguyệt. Riêng phần mộ ông vì không có người chăm sóc, nên đã thất lạc không còn nữa. E đây là tấm gương tôn trọng luân lý truyền thống về đạo làm người. Truyện đã phản ánh một bi kịch mà bi kịch đến nay vẫn còn nguyên giá trị hiện thực.

Truyện *Đôi Sam biển* kể rằng ở đầu cái thôn nhỏ ít người vùng biển có một chiếc miếu Thành Hoàng. Bọn cướp quanh vùng ấy thường mỗi tối vẫn đến miếu để nấu nướng và nghỉ ngơi. Những ánh lửa le lói trong đêm, đã tạo ra bao nhiêu huyền thoại. Người trong thôn mỗi khi nhìn thấy ánh lửa chập chờn trong đêm tối ấy, đã kháo nhau, lâu dần trở thành niềm tin rằng: miếu Thành Hoàng là nơi ma quỷ tụ tập. Thế là, chẳng những chỉ có trẻ con mà có cả người lớn cũng không hề bén mảng đến. Nhưng có vợ chồng người nông dân kia, do cuộc sống vất vả, gieo neo của mình, đã có lắm phen lần mò trong đêm tối vì cái ăn, nên vô tình dò la ra hành tung đám kẻ cướp.

Vào một đêm tối trời, người chồng sau bữa cơm tối đạm bạc đã lên đến ngôi núp sau bài vị thờ Thành Hoàng. Khi bọn cướp kéo đến người nông dân háng giọng nói to:

- Ta là Thành Hoàng của miếu này, nay về đây để trị tội chúng bây, vì chúng bây giết người, cướp của chẳng biết thương xót một ai.

Bọn cướp sợ hãi bỏ chạy việc đã xong, người nông dân vì vất vả, lao nhọc cả ngày nên ngồi ngủ gục luôn ở nơi đó. Đến khuya anh ta mơ thấy ông già râu tóc bạc như cước, bước đến bên cạnh mình và bảo:

- Con đã có lòng thương người và làm việc có ích, bảo vệ được chiếc miếu này, ngăn cản bọn cướp đốt phá. Ta sẽ giúp con từ nay thoát ra khỏi cảnh nghèo khổ.

Nói xong Tiên ông đeo vào tay của người nông dân một chiếc vòng đen huyền và dặn:

- Khi nào thật sự cần thiết, con hãy nhìn vào chiếc vòng này và niệm chú, thì mọi việc sẽ được như ý. Lúc tỉnh dậy, người nông dân vui mừng thấy cái vòng đen huyền trên cổ tay mình.

Từ đó người nông dân nhờ có chiếc vòng đã có thể biến thành con chuột len lỏi vào mọi nhà giàu có trong vùng, nhất là nhà của bọn cường hào địa chủ, để lấy cắp. Theo lời dặn của ông lão râu tóc bạc phơ trước kia, anh ta thường đem một phần của cái lấy được của bọn nhà giàu chia cho những kẻ tật nguyền khốn khổ. Nhưng thói đời vẫn thế, khi có lộc, có tiền thì con người hay thay tâm, đổi tánh. Người nông dân khốn khổ xưa kia, nay đã trở thành kẻ giàu có, bảnh tiếng. Dục vọng của con người vốn dĩ lại không cùng: Không phải lo chạy vạy cái ăn, có đồng tiền rủng rỉnh trong túi anh nông dân kia nảy sinh nhiều tật xấu.

Một đêm, lợi dụng pháp thuật, anh ta len vào phòng riêng của một cô gái đẹp và dùng sức mạnh hãm hiếp cô gái này.

Sau đó trong cơn mê mết anh ta ngủ thiếp đi và bị cha đẻ của cô gái bắt trời đưa lên quan. Bị đánh đập, anh ta khai hết mọi điều. Bọn quan chức và lý hương bèn lấy mất chiếc vòng thần của anh, sau khi niệm chú hóa thân anh ta làm con chuột... Từ đấy bọn chúng cứ bắt anh ta làm trò chuột đi dây cho mọi người trong làng ngoài chợ đến xem.

Biết rõ khúc nỗi, người vợ phần thương chồng, phần lo sợ, ngày đêm liên tục đến miếu Thành Hoàng cầu xin cứu giúp.

Ông lão râu tóc bạc như cước kia lại hiện lên bảo:

- Chị đừng lo, ta sẽ có cách giúp đỡ.

Nói xong ông lão trao cho người vợ một chiếc bùa và dạy cách niệm chú và để chị ta biến thành một con dơi. Theo đúng lời dạy bảo của ông lão ấy, con dơi kia bay đến diễn trường, nơi người chồng trong lót của một con chuột đang làm trò đi dây ngay lập tức con dơi xà xuống kẹp con chuột bay lên. Khi bay ngang qua vùng biển, vì con chuột quá nặng dơi không đủ sức kẹp giữ, nên cả hai rơi tõm xuống biển.

Rất lâu về sau, những người chài lưới vùng biển luôn thấy đôi sam biển quần quýt đùa giỡn với nhau. Có người còn bảo rằng một lần họ đánh bắt được đôi sam biển ấy. Nhưng khi gỡ đôi sam ra khỏi mắc lưới ấy thì con sam đực bỗng nói:

- Chúng tôi, là đôi vợ chồng nghèo, vì mắc tội nên bị đày đọa thế này, xin đừng giết chúng tôi.

Người đánh cá, biết rõ sự tình đã đem sam thả lại dưới biển.

Từ đó, ở dưới biển đâu đâu cũng có những đôi sam quần quýt với nhau như đôi vợ chồng đang độ mặn nồng¹.

Truyện phản ánh khát vọng đổi đời của những người nghèo khổ, đồng thời cũng phản ánh sự tác động tiêu cực của đồng tiền, khi có tiền con người dễ bị tha hóa nhưng cuối cùng nhờ lòng chung thủy và ân tình thiết tha của người vợ đã làm cho câu chuyện có được cái kết có hậu.

c. *Truyện cười:*

"*Truyện cười là thuật ngữ dùng để chỉ một thể loại truyện kể dân gian, lấy tiếng cười làm phương tiện chủ yếu để thực hiện mục đích: Châm biếm, đả kích, giáo dục hoặc mua vui giải trí*".¹

Truyện cười dùng phương thức tự sự để tạo ra tiếng cười trong đời sống xã hội, nhằm góp phần làm cho cuộc sống được thanh lọc và tốt đẹp hơn.

Truyện cười ở miền biển Đà Nẵng chủ yếu là đả kích vào những thói hư tật xấu của người đời như : Nói khoác, tham ăn...

Truyện *Thi nói khoác* kể rằng Có ba anh chàng có tài nói khoác, ngồi nói chuyện với nhau ở một quán ven đường. Anh thứ nhất lên tiếng:

- Các anh ạ, ở làng tôi có một cái cây rất cao, cao chạm trời lặn.

- Làm chi có cái cây cao như rứa? – Hai anh chàng kai cãi lại.

¹ Truyện này chúng tôi sưu tầm được ở vùng biển Đà Nẵng. Trong Nguyễn Văn Bôn (1984) *Văn nghệ Dân gian Quảng Nam- Đà Nẵng*, Tập 2, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam - Đà Nẵng cũng có ghi (sưu tầm ở Điện Dương). Ngoài ra, trong kho tàng cổ tích Việt Nam của Nguyễn Đông Chi cũng có ghi dị bản của truyện này.

¹ Trích: *Thuật ngữ nghiên cứu văn học*, Đại học sư phạm Vinh, 1975.

Anh chàng thứ nhất gân cổ:

- Không cao đến trời thì chỉ còn *một gang tay* nữa là đến Anh chàng thứ hai, nghe bạn nói chưa dứt lời thì tiếp luôn:

- Thế thì cũng chưa lạ bằng con thuyền ở làng tôi. Làng tôi có một con thuyền to và dài đến mức, khi đặt nó xuống biển thì mũi thuyền sang tới bờ bên kia, mà đuôi thuyền vẫn còn gác ở bờ bên này.

Anh chàng thứ nhất vặn lại:

- Làm chi có con thuyền dài dữ rứa?!

Anh chàng thứ hai chống chế:

- Nếu không như rứa thì cũng chỉ ngắn hơn một gang tay mà thôi.

Anh chàng thứ nhất biết anh ta xỏ mình, liền ngồi im.

Anh chàng thứ ba tiếp lời:

- Cái cây cau và con thuyền dài ở làng hai anh cũng đâu lạ bằng chuyện xảy ra ở làng tôi! Số ở làng tôi có một chị đẻ con ra ở lỗ rốn!

- Làm quái gì mà có người đẻ con ra ở lỗ rốn?!

Hai anh kia cùng bác lại:

Anh chàng thứ ba thủng thẳng trả lời:

- Không đẻ ra được ở lỗ rốn thì cũng đẻ ở nơi chỉ cách lỗ rốn *một gang tay* là cùng.

Tác giả dân gian đã dùng thủ pháp nghệ thuật khoa trương, phóng đại để xây dựng truyện. Họ cũng đã khéo léo dùng điệp ngữ *một gang tay* để thể hiện tính bông đùa và lý sự trong câu chuyện. Những truyện này như viên thuốc đắng già tật, phê phán những thói nói khoác của người đời.

Ở vùng biển Đà Nẵng cũng có kể chuyện thể hiện tính biện luận của người Quảng. Có truyện kể rằng: Một hôm có

anh sui tới chơi, chủ nhà vồn vã mời cơm: "*Không mấy khi anh sang chơi mà nhà không có gì, chỉ có cá nục, anh vui lòng dùng tạm*". Nhưng trên mâm cơm chỉ có một đĩa mắt nục, anh thông gia thẳng thắn nhận xét: "*Đây là mắt nục chứ làm chi có cá nục*". Anh chủ nhà liền giải thích: "*Thì trước lúc thành mắt nó cũng là cá nục đó chớ!*". Đẻ bụng, hôm sau anh thông gia kia lại được mời cơm, anh chủ nhà bên này lại dọn một đĩa gốc tre chặt nhỏ và đon đả mời: "*Không mấy khi anh sang chơi, mời anh ăn món măng luộc*". Anh khách lại vội phân nản: "*Đây là gốc tre chứ làm chi có măng*". Anh chủ nhà bèn biện luận: "*Thì trước lúc thành gốc tre nó cũng là măng đó chớ!*".

Thêm một truyện kể: Một hôm có người được mời ăn giỗ, trong mâm anh cứ gắp hai ba miếng thịt cùng một lúc. Một anh trong mâm thấy ngứa mắt mới giả vờ hỏi: "*Đó anh thịt heo ăn với gì ngon nhất?*" Anh kia bèn trả lời: "*Thịt heo ăn với chuối, khế, rau sống... là ngon*". Anh này liền đáp lại: "*Thiệt ra tui thấy thịt heo ăn với thịt heo là ngon nhất!*" Anh nọ biết mình đã bị mỉa mai nên thấy xấu hổ vô cùng.

Thật ra đây là hai câu chuyện có nguồn gốc từ truyện Thủ Thiêm, là truyện *Thủ Thiêm gắp đôi thủ* và truyện *Thịt heo ăn với chi ngon?* Nhưng ở đây đã được dân gian hóa, nhân dân kể như một truyện cười độc lập nhằm phê phán thói ham ăn tục uống của người đời và ca ngợi tài biện luận của người Quảng.

d. Tục ngữ:

Tục ngữ là bộ phận phát triển rất sớm, người dân biển sống dựa vào thời tiết vào các hiện tượng tự nhiên để rút ra kinh nghiệm trong lao động đánh bắt. Chính vì thế mà bộ phận

tục ngữ dự báo thời tiết ở đây ra đời rất sớm, nhằm đúc kết những kinh nghiệm cho những người đi biển.

- *Tục ngữ về thời tiết*: Từ xa xưa Sơn Trà đã là đài khí tượng thiên nhiên trải qua bao thế hệ:

- *Đời ông cho chí đời cha*

Mây phủ Sơn Trà, không gió thì mưa.

- *Chiều chiều mây phủ Sơn Trà*

Sấm rền non nước, trời đã chuyển mưa

- *Mây đen phủ kín Sơn Trà*

Gấp lo thu dẹp kẻo mà có mưa.

Người dân miền biển Đà Nẵng đã quan sát một cách tỉ mỉ và chiêm nghiệm các hiện tượng tự nhiên để rút ra những kinh nghiệm quý báu:

Mây đen xuống biển thì nắng chang chang

Mây đen lên ngàn thì mưa như trút

Móng cao gió táp, móng rập mưa dầm

Móng đóng đằng tây mưa giây gió giật

Chớp phía đông mưa giông đã tới

Sao tua rua mọc vàng cây chết

Sao tua rua lặn chết cá chết tôm

Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa.

Người ta đã bắt thời tiết phục vụ cho lao động đánh bắt. Kinh nghiệm đánh bắt cá cho thấy:

Nồm mùa sông giông mùa biển.

Người dân chài kinh nghiệm thấy rằng cứ thấy gió nồm thổi về thì có nước lợ ở vùng sát bờ nên cá biển thường phải

ra xa. Những lúc đó không thể đánh bắt gần bờ được nên phải cố gắng đánh bắt:

Nờm ngoài nước ngọt chẳng để lọt con nào.

Người dân biển còn quan sát cả những sinh hoạt của những con vật xung quanh để đoán biết thời tiết:

*Cò bay ngược, nước vô nhà
Cò bay xuôi nước lui ra biển*

*Kiến đen tha trứng lên cao
thế nào cũng có mưa rào gió to*

Nhiều câu tục ngữ khác cũng nhằm đúc kết những kinh nghiệm về thời tiết trên biển:

*Mây bạc mà quán lười đao
Thuyền câu thuyền lưới chèo vào cho mau*

Ngày xưa, trong điều kiện khoa học còn chưa phát triển thì những tri thức ấy có giá trị quan trọng, thiết thực trong việc hoạt động trên biển giúp người ngư dân tránh bớt những tai ương. Thời kỳ này tục ngữ về thời tiết được xem như là cẩm nang mà ngư dân mang theo để làm hành trang đề phòng tai họa trên biển.

Tục ngữ về thời tiết và lao động đánh bắt là những tài liệu rất quý, đó là kho kinh nghiệm được đúc kết từ những nhận xét, phán đoán của nhân dân ta trong lao động, trong đấu tranh với thiên nhiên để tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, bộ phận tục ngữ này, một mặt là những kinh nghiệm làm biển truyền từ đời này sang đời khác; mặt khác, nó là sự phản ánh những thói quen, những tập quán trong lao động đánh bắt của ngư dân một nước ít kinh nghiệm đi biển.

- *Tục ngữ về xã hội:*

Tục ngữ về xã hội phản ánh những quan niệm ứng xử giữa người và người trong cuộc sống. Trong văn hóa ứng xử người miền biển đề cao sự giáo dục của gia đình:

*Ghe không bánh lái ghe quay
Em không cha mẹ ai bày em nên.*

*Cá khôn chẳng núp bóng dứa
Gái khôn chẳng đến lê la nhà người.*

Đúc kết kinh nghiệm trong đời nhân xử thế:

*Đời cha ăn mặn
Đời con khát nước*

*Lên non mới biết non cao
Xuống biển càng sào mới biết cạn sâu*

Liều cơm gấp mắm

Đề cao sự siêng năng trong lao động:

*Ngồi không sao chẳng xe gai
Đến khi có cá mượn chài ai cho.*

Vì phải luôn đối mặt với hiểm nguy, thử thách nên khi ra khơi họ thường tin vào điềm báo trước, đặt nặng văn hóa tâm linh :

*Thuận buồm xuôi gió thì đi
Mặt nặng như chì ở lại nuôi con.*

Trong văn hóa ẩm thực người miền biển cũng đúc kết một số kinh nghiệm trong chế biến hải sản:

*Con tôm kho mặn thì bùi
Con cá kho mặn mất mùi không ngon.*

Kinh nghiệm về việc đánh giá chất lượng hải sản :

- *Nhứt chim, nhì thu*

- *Nhứt đầu cá thu, nhì mui cá chuồn*

- *Đám giỗ ông sui bà sui*

Không bằng cái mui con cá chuồn

Chức năng của tục ngữ là đúc kết kinh nghiệm. Vốn tục ngữ của người miền biển Đà Nẵng đã đúc kết những kinh nghiệm quý giá của những con người nơi *đầu sóng ngọn gió* trong suốt quá trình lao động, chiến đấu và sinh hoạt để xây dựng cuộc sống nơi đây.

Nội dung tư tưởng của tục ngữ bao hàm những tinh hoa của dân tộc và địa phương. Nội dung tư tưởng của tục ngữ cũng giải thích sức mạnh và những thắng lợi rực rỡ của nhân dân ta. Từ sau Cách mạng tháng Tám nhiều câu tục ngữ mới ra đời trên cơ sở những câu tục ngữ cũ... Nội dung và bản thân sự hình thành đó phản ánh trong con người Việt Nam, con người Đà Nẵng: "Cái khó *ló* cái khôn" (Cái khó *bó* cái khôn). Di sản tục ngữ và thời đại mới đòi hỏi chúng ta phải am hiểu và sử dụng cho đúng, cho thích hợp với sự tiến bộ trong thời đại mới.

đ. Câu đố:

Câu đố là một thể loại văn học dân gian ngắn gọn, phản ánh sự vật, hiện tượng khách quan bằng cách nói đặc biệt: Lối nói chệch. Chức năng của câu đố là giải trí mua vui, đồng thời cũng là để rèn luyện óc quan sát.

Là một loại toán vui, câu đố bao giờ cũng có hai phần:

- Dữ kiện (Câu đố)

- Ẩn số (Lời giải)

Đề tài trong câu đố miền biển Đà Nẵng thường xoay quanh những sự vật, hiện tượng quen thuộc ở miền biển như: các loài cá, các loại hải sản...:

Ai kêu ai hú bên sông

Mẹ kêu mặc mẹ, có chồng phải theo
(con cá bạc má)

Bằng cái lưỡi dao mà chao dưới nước
(con cá lưỡi trâu)

Cù queo mà ở dưới đồng

Đêm về lại nấu rằm rằm suốt đêm

Nấu rồi lại đổ nước thêm

Nấu hết gánh củi không mềm cù queo
(con cá)

Ngồi buồn nói chuyện bông lon

Ngó xuống dưới biển có con không bằng
(con ốc)

Nội dung của câu đố thường có hai ý nghĩa:

- Ý nghĩa tri thức:

Vật đố thường là sự vật hiện tượng, các hoạt động của ngư dân. Qua thế giới vật đố chúng ta thấy hiện lên môi trường sông và những gì gắn bó thân thiết với đời sống của người dân miền biển. Những vật đố ấy phần nào nói lên cuộc sống giản dị, mộc mạc, toát lên từ nội dung câu đố là sự quan hệ mật thiết giữa con người và cảnh vật nơi đây, giữa con người và lao động:

Rì rì rằm rằm

Đội nhà đi chơi

Gặp khi tối trời

Úp nhà nằm ngủ

(Con rùa)

- Ý nghĩa xã hội:

Nội dung chính câu đố là rèn luyện tri thức nhưng chúng ta cũng thấy trong nội dung câu đố một số vấn đề xã hội được phản ánh điều này thể hiện xu hướng ngụ ý xã hội. Người sáng tác dường như muốn mượn nội dung câu đố để phản ánh khía cạnh nào đó của thực trạng xã hội và bày tỏ thái độ của mình trước thực trạng xã hội ấy:

*Tám thằng dân vẫn cục đá tảng
Hai ông xã xách nặng chạy theo
(con cua)*

- *Có ông mà không có bà
Có cửa không nhà (mà) sanh đặng hai con
Tháng ngày nặng nợ nước non
Khi lên, khi xuống mỗi mòn tám thân
(Cửa biển và thủy triều lên xuống)*

Bằng sự liên tưởng đôi khi người dân biển nhìn một sự việc bình thường với một cái nhìn bông đùa :

- *Dông chìm đáy nước
Đá nổi đầu non
Ai muốn có con
Treo lên trụt xuống*

(cái rổ ngao)